

Bản án số: **44/2021/HNGĐ-PT**.

Ngày: 28-12-2021

V/v : “Tranh chấp hôn nhân gia
đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH B

-Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hải Hương

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Hà.

Bà Hoàng Thị Thu Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh B.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B: Bà Nguyễn Thị Tuyết- Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 28/12/2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh B xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 46/2021/TLPT- HNGĐ ngày 15/11/2021 Về việc: “Tranh chấp hôn nhân gia đình” do bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B bị kháng nghị.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 44/2021/QĐ-PT ngày 03/12/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 36/QĐ-HPT ngày 15/12/2021 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1975 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh B

2. *Bị đơn:* Ông Nông Văn X (tức Sin), sinh năm 1961 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh B

* Vụ án do Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B kháng nghị.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện, trong các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn bà Nguyễn Thị X trình bày:

Năm 1993, bà và ông Nông Văn X đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán địa phương. Trước khi tổ chức đám cưới, bà và ông X có được tự nguyện tìm hiểu. Nhưng chưa đăng ký kết hôn. Bà và ông X chung sống hòa thuận hạnh phúc đến năm 2001 thì xảy ra mâu thuẫn, ông bà thường xuyên xảy ra cãi nhau. Nguyên nhân do ông X hay uống rượu say và đánh chửi bà. Từ năm 2003, bà và ông X

chấm dứt mọi quan hệ tình cảm cũng như kinh tế. Nay bà xác định không thể tiếp tục chung sống với ông X được nữa, đề nghị Tòa án không công nhận bà và ông X là vợ chồng.

Về con chung: Bà và ông X có 02 con là Nông Thị V, sinh năm 1993 và Nông Văn T, sinh năm 1996. Hai con bà đều đã xây dựng gia đình riêng nên bà không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Ông bà có tài sản chung gồm: 01 thửa đất ở diện tích 348m², tại thôn Quỳnh Độ, xã Bắc Lũng, huyện LN, tỉnh B; vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00889.QSDD/QĐSỐ5-QĐ/UB(H) do Ủy ban nhân dân huyện LN cấp giấy chứng nhận ngày 05/01/2001, mang tên hộ ông Nông Văn Sin. Trên đất có 01 ngôi nhà ba gian, cấp 4 loại 2, diện tích khoảng trên 30m², một số tài sản và cây cối khác. Bà đề nghị giao diện tích đất có nhà cho ông X quản lý, sử dụng và giao cho ông X sở hữu nhà, tài sản trên phần đất ông X được giao, còn bà quản lý, sử dụng diện tích đất còn lại cùng tài sản, cây cối trên đất. Nếu có chênh lệch về giá trị tài sản các bên trích trả cho nhau bằng tiền. Toàn bộ tài sản trên các con bà không có công sức đóng góp gì.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nông Văn X trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị X chung sống cùng nhau từ năm 1992, hai bên có tổ chức đám cưới, nhưng đến nay vẫn chưa đến Ủy ban nhân dân xã đăng ký kết hôn. Đến năm 2007, bà X đi làm ăn và theo người đàn ông khác, không quan tâm gì đến ông. Ông và bà X sống ly thân từ năm 2007 đến nay, không còn quan hệ gì về tình cảm và kinh tế, nhưng nay bà X yêu cầu Tòa án không công nhận bà và ông là vợ chồng, ông không đồng ý.

Về con chung: Như bà X đã trình bày, ông không có ý kiến gì.

Về tài sản chung: Ông và bà X mua được thửa đất như bà X đã khai. Toàn bộ các tài sản này các con ông không có công sức đóng góp gì. Nay bà X đề nghị chia tài sản, ông không đồng ý.

Về nghĩa vụ chung đối với tài sản: Ông không có ý kiến gì.

* Từ những nội dung trên, bản án sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B đã quyết định:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị X và ông Nông Văn X là vợ chồng.

2. Về tài sản chung:

- Giao cho ông Nông Văn X sử dụng 190,8m² đất ở và sở hữu ngôi nhà 03 gian, cấp 4 loại 2, diện tích 32,68m²; nhà bếp loại C, diện tích 25,55m²; sân gạch diện tích 52,29m²; 02 cánh cổng rộng 03m, có cột hai bên xây bằng gạch chỉ; cùng toàn bộ các tài sản, cây cối khác (nếu có) trên phần đất được giao sử dụng.

Thửa đất (190,8m²) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp đất nhà ông Chơn từ điểm 1-10 dài 17,30m. Phía Nam giáp diện tích đất giao cho bà Nguyễn Thị X sử dụng từ điểm 3-8 dài 17,89m. Phía Đông giáp đường bê tông từ điểm 1-2 dài 7,27m; từ điểm 2-3 dài 3,92m. Phía Tây giáp đất nhà ông Tiến từ điểm 8-9 dài 4,30m; giáp đất nhà ông Dũng từ điểm 9-10 dài 6,55m.

-Giao cho bà Nguyễn Thị X sử dụng 226,8m² đất ở và sở hữu: Tường vảnh lao, xây gạch chỉ 110mm bờ trụ, diện tích 13,88m²; bể nước, không có tấm đan bê tông; khu chăn nuôi loại C, diện tích 8,36m², không còn giá trị sử dụng; nhà vệ sinh loại C, diện tích 1,8m²; 01 cây Ổi đường kính gốc 12cm; 02 cây Ổi đường kính gốc 10cm/cây; 01 cây Ổi mới trồng; 01 cây Mít đường kính gốc 5cm; 01 cây Xoài đường kính gốc 15cm; 01 cây Xoài đường kính gốc 30cm; 02 cây Xoài đường kính gốc 12cm/cây.

Thửa đất (226,8m²) có các cạnh tiếp giáp như sau: Phía Bắc giáp phần diện tích đất giao cho ông Nông Văn X sử dụng từ điểm 3-8 dài 17,89m. Phía Nam giáp đất nhà ông Chiêu từ điểm 5-6 dài 17,10m. Phía Đông giáp đường bê tông từ điểm 3-4 dài 1,22m; từ điểm 4-5 dài 10,58m. Phía Tây giáp đất nhà ông Phú từ điểm 6-7 dài 13,41m; giáp đất nhà ông Tiến từ điểm 7-8 dài 0,70m.

Bà Nguyễn Thị X phải thanh toán trả ông Nông Văn X giá trị tài sản chênh lệch là 57.502.500đ (năm mươi bảy triệu năm trăm linh hai nghìn năm trăm đồng).

Tổng giá trị tài sản bà Nguyễn Thị X được chia là 741.520.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng); tổng giá trị tài sản ông Nông Văn X được chia là 741.520.500đ (bảy trăm bốn mươi một triệu năm trăm hai mươi nghìn năm trăm đồng).

4. Về án phí: Bà Nguyễn Thị X phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 33.660.800đ (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Trừ vào số tiền 5.300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà X đã nộp theo biên lai thu số AA/2017/0005124 ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại Chi cục thi hành án dân sự huyện LN, tỉnh B, bà Nguyễn Thị X còn phải chịu 28.660.800 đồng án phí. Ông Nông Văn X phải chịu 33.660.800đ (Ba mươi ba triệu sáu trăm sáu mươi nghìn tám trăm đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra án còn tuyên về chi phí tố tụng và nghĩa vụ chậm thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên

* Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo. Ngày 22/9/2021 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có quyết định số 16/QĐKN-VKS-HNGĐ kháng nghị bản án sơ thẩm 65/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B đề nghị Tòa án tỉnh B xử sửa án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện LN về phần giải quyết về án phí theo hướng miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông X.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B không rút kháng nghị và giữ nguyên quan điểm. Các đương sự ông X và bà X vắng mặt

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ hồ khẩu thì ông X sinh ngày 24/4/1961. Tính đến ngày Tòa án xét xử ông X đã trên 60 tuổi. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi, ông X là người cao tuổi và căn cứ điểm đ khoản 1, Điều 12- Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, người cao tuổi được miễn án phí. Do đó đề nghị HĐXX chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B. Áp dụng khoản 2, Điều 308; Điều 309 - Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B, miễn án phí dân sự sơ thẩm cho ông X.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân, về con chung: Cấp sơ thẩm đã giải quyết, ông X và bà X đều đồng ý, không có ai kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị do vậy Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2]. Xét nội dung kháng nghị của Viện kiểm sát tỉnh B

Về tài sản chung: Cấp sơ thẩm đã giải quyết phân chia tài sản cho bà X và ông X mỗi người được chia tài sản có giá trị 741.520.500đồng. Đối với tài sản được chia ông bà không ai có ý kiến gì. Tuy nhiên, về án phí căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 147 Bộ LTTDS. Điểm b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016; điểm c tiểu mục 1.3, mục 1, phần II, chương A Danh mục mức án phí ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì bà X và ông X mỗi người phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tài sản được chia là $(20.000.000đ \times 341.520.500đ \times 4\%) = 33.660.800đ$.

Căn cứ tài liệu là sổ hộ khẩu có trong hồ sơ vụ án, ông X sinh ngày 24/4/1961. Tính đến ngày Tòa án xét xử vụ án 27/8/2021, ông X đã trên 60 tuổi. Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi, ông X là người cao tuổi. Căn cứ quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 người cao tuổi được miễn án phí.

Nhưng cấp sơ thẩm không miễn án phí cho ông X mà vẫn xử buộc ông X phải chịu 33.660.800đ tiền án phí dân sự sơ thẩm là không đúng quy định của pháp luật, không đảm bảo quyền lợi hợp pháp cho ông X.

Từ những nhận định nêu trên, HĐXX thấy có căn cứ chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B, căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309 - Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B xử miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nông Văn X.

[3]. Các nội dung khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 2, Điều 308; Điều 309- Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B sửa bản án sơ thẩm số 65/2021/HNGĐ-ST ngày 27/8/2021 của Tòa án nhân dân huyện LN, tỉnh B.

2. Căn cứ: Điểm đ khoản 1, Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nông Văn X

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh B;
- TAND huyện LN;
- Chi cục THADS huyện LN;
- UBND xã Bắc Lũng;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, HCTP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Thị Hải Hương